TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25 /2018/HNGĐ - ST. Ngày 23-3 - 2018 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiệm

2. Bà Phạm Thị Quý

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên toà:

Ông Phạm Thật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thùy N, sinh năm 1990 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn B, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Các đương sự đều có địa chỉ: Khu 8, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Trần Thùy N trình bày: Chị kết hôn với anh Tạ Văn B vào ngày 24 tháng 10 năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở riêng trên thửa đất của bố mẹ chị tại khu 8, xã A, huyện H và làm ruộng. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B thường uống rượu say không quan tâm đến chị và các con. Anh B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu 10, xã H1, huyện H từ cuối năm 2015 cho đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Tạ Thùy C sinh ngày 01/7/2009 và cháu Tạ Thị Yến N1 sinh ngày 11/8/2012. Hiện các cháu

đang ở với chị. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh B không có mặt làm việc. Qua xác minh tại UBND H1, Hội phụ nữ xã và ông Tạ Văn L là bố đẻ của anh B cho biết: Anh B sau khi kết hôn đã chuyển khẩu về khu 8 xã A, huyện H quê chị N. Trong khoảng thời gian chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh B đã về nhà ông ở sau đó đi làm ăn ở đâu gia đình không có địa chỉ. Anh B vẫn liên lạc bằng điện thoại về cho gia đình. Anh B đã đi làm ăn từ cuối năm 2015 đến nay không về chung sống cùng chị N. Những văn bản của Tòa án triệu tập anh B đến giải quyết ly hôn tại TAND huyện Hạ Hòa chính quyền địa phương đã nhận và giao cho gia đình anh B nhưng gia đình không nhận. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Xác minh tại UBND A, Ban Công an, Ban Tư pháp xã A, huyện H cho biết: Trong thời gian chung sống, anh B, chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột, anh B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh B.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho chị N được ly hôn anh B. Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Tạ Thùy C sinh ngày 01/7/2009 và cháu Tạ Thị Yến N1 sinh ngày 11/8/2012 kể từ tháng 4/2018 cho đến khi các cháu thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác. Về án phí LHST: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị N có mặt, anh B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn cố tình

vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. Anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh B kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện H, tỉnh Phú Thọ đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng về ở trên thửa đất bố mẹ chị tại khu 8, xã A, huyện Hạ Hòa và làm ruộng. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B hay uống rượu say không quan tâm đến chị và các con. Anh B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu 10, xã H1, huyện H từ cuối năm 2015 cho đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Chị N xin được ly hôn để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án anh B đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình anh B, đại diện gia đình cho biết anh B vẫn thường liên lạc qua điện thoại nhưng không cho biết địa chỉ nơi làm việc. Đại diện UBND xã H1, huyện H và UBND xã A, huyện H xác định anh B do mâu thuẫn vợ chồng đã bỏ đi làm ăn không có mặt ở địa phương, không có địa chỉ cụ thể. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị N. Xét thấy thực tế cuộc sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, anh B không quan tâm đến cuộc sống của chị N và các cháu, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và cần xử cho chị N ly hôn anh B là phù hợp.

[3]. Về con chung: Xác định chị N, anh B có hai con chung là cháu Tạ Thùy C sinh ngày 01/7/2009 và cháu Tạ Thị Yến N1 sinh ngày 11/8/2012. Ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy: Anh B vắng mặt tại địa phương, hiện nay hai cháu do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N là chính đáng. Do vậy cần giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Tạ Thùy C sinh ngày 01/7/2009 và cháu Tạ Thị Yến N1 sinh ngày 11/8/2012 kể từ tháng 04/2018 cho đến khi các cháu thành niên. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

[5] Về án phí LHST: Chị N phải chịu 300.000đ (Xác nhận đã nộp)

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 56, điều 81,82,83 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thùy N được ly hôn anh Tạ Văn B.

2- Về con chung: Xử giao chị Trần Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu: Tạ Thùy C, sinh ngày 01/7/2009 và cháu Tạ Thị Yến N1, sinh ngày 11/8/2012 kể từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu các cháu thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Chị N, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3 - Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

4- Về án phí : Chị Trần Thùy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003348 ngày 20/11/2017 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa (Xác nhận đã nộp).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh B có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- UBND H
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa
- Lưu HS-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc